| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ QUAO**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày: 20-4-2018<br>"V/v Tranh chấp HN&GĐ về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và T/c hợp đồng vay tài sản" | |

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Diệu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tạ Thúy Hoài

Ông Nguyễn Văn Đạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Kim C – Sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp An Minh, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh Sầm H – Sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp An Lợi, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu điện Liên Việt;

Trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn B, chức vụ: Tổ trưởng tổ khách hàng – PGD Vị Thanh - chi nhánh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt);

Bà Hồ Thị B – sinh năm 1969 (có mặt); Ông Danh A – sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp An Minh, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

Anh Trần H – sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp An Thuận, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Chị Trịnh Thị N – sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp An Minh, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 25/10/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Kim C trình bày:*

Vào năm 2014, chị kết hôn cùng với anh Danh Sầm H, hôn nhân do mai mối, tìm hiểu được 02, 03 tháng thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên nhà cha mẹ chị, thời gian 01 năm đầu thì đầm ấm hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng làm ăn tiền bạc không rõ ràng, vợ chồng mua máy cày đi làm rồi làm ruộng chồng lấy hết tiền mà không nói gì với chị, vợ chồng đem vàng về cố đất của anh chị em bên chồng nhưng không có làm giấy tờ đến khi xảy ra mâu thuẫn thì lật lại nói không có cố, từ đó chị không thể chung sống với chồng được nữa.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Danh Huỳnh L , sinh ngày 24/12/2015, từ lúc anh H bỏ đi đến nay do chị nuôi con, chồng không tới lui thăm hỏi gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất được là có 01 máy cày hiệu Kubota, 01 máy honđa 5.5 mã lực, 01 máy phun thuốc sâu do chồng đang giữ.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt 100.000.000đ, vay cha mẹ ruột chị Châu là ông Danh An, bà Hồ Thị B 25.000.000đ.

Nguyện vọng: Về hôn nhân, chị C xin được ly hôn với anh H ; Về con chung, chị xin được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ từ khi vợ chồng ly thân đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, vợ chồng chị đã thỏa thuận được với nhau, anh chị tự định giá máy cày bằng 150.000.000đ, chị C lấy máy sử dụng thối ½ giá trị lại cho anh H , còn lại máy phun thuốc sâu chị Châu sử dụng, máy honđa 5.5 mã lực anh H sử dụng. Ngoài ra, chị C khai, có đem vàng về cố đất bên chồng là 35 chỉ vàng và 50.000.000đ nhưng khi mâu thuẫn thì chồng và bên chồng không thừa nhận, chị không có giấy tờ gì nên chỉ trình bày để Tòa biết nguyên nhân chị không thể đoàn tụ với chồng được, khi chồng nói ngược chị đã bỏ số vàng và tiền này nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản này.

*Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 02/02/2018*, bị đơn anh Danh Sầm H trình bày, anh thống nhất với lời trình bày của chị C về hôn nhân và con chung của vợ chồng.

Về mâu thuẫn thì anh cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì mỗi vụ lúa anh đi trục đất chưa kịp ghi lại sổ sách để tính cho vợ biết cho

nên mới xảy ra cự cãi, anh bỏ về bên nhà cha mẹ ruột được khoảng 01 tháng thì vợ đưa đơn ra tòa xin ly hôn.

Về tài sản chung: Như vợ trình bày, khi ra tòa đã thống nhất được với nhau là chỉ có 01 máy cày hiệu Kubota, 01 máy honđa 5.5 mã lực, 01 máy phun thuốc sâu, ngoài ra không có gì nữa.

Về nợ chung: Anh chỉ thừa nhận có nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt 100.000.000đ, còn nợ của cha mẹ vợ là không có.

Nguyện vọng: Về hôn nhân, anh H xin đoàn tụ với chị C ; nếu ly hôn thì anh xin nuôi con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng, nếu vợ nuôi thì anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Theo sự thỏa thuận của vợ chồng anh đã giao cho vợ máy cày hiệu Kubota trị giá 150.000.000đ và máy phun thuốc sâu, còn lại máy honđa 5.5 mã lực anh sử dụng.

Về nợ chung: Chị C có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt bằng 91.596.000đ, còn lại 58.404.000đ chia đôi mỗi người sử dụng phân nữa. Phần nợ của cha mẹ vợ anh H không thừa nhận nên không đồng ý trả.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh A , bà Hồ Thị B trình bày:* Ông bà là cha mẹ ruột của chị C . Sau khi lấy chồng, chị C cùng chồng về sống chung với ông bà, quá trình làm ăn, vợ chồng C có nhờ ông bà hỏi vay số tiền 25.000.000đ để đầu tư mua, sửa máy xới để H đi xới lúa. Khi đưa tiền cho vợ chồng C mượn, ông bà còn cẩn thận là có đủ mặt hai vợ chồng mới đưa, sau khi lấy tiền ở Ngân hàng về ông bà cũng có cho anh Trần H vay tiền nên bữa lấy tiền có luôn anh H chứng kiến. Vì vậy, anh H nói không biết là không đúng.

Nguyện vọng: Ông A , bà B yêu cầu vợ chồng anh H , chị C phải trả cho ông bà số tiền 25.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trình bày: Chị C , anh H có vay tín chấp tại Ngân hàng số tiền 100.000.000đ, đã trả được một phần, còn nợ lại số tiền 91.596.000đ. Sau khi hòa giải, chị C đã trả nợ cho Ngân hàng xong nên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án và không có yêu cầu gì.

*Người làm chứng anh Trần H trình bày:* Vào khoảng tháng 4 năm 2017, anh có nhờ ông A , bà B vay tiền Ngân hàng dùm về cho anh vay lại để làm ăn. Khi qua nhà nhận tiền, anh có chứng kiến lúc đó bà Bé cũng đưa cho anh Hưng chị C 25.000.000đ nói là tiền vay Ngân hàng về chia lại cho anh 30.000.000đ, còn chị C , anh H 25.000.000đ.

*Bà Trịnh Thị N rình bày:* Tại địa phương, bà biết con của chị C và anh H ở bên nhà cha mẹ chị C từ trước đến nay, từ khi anh H bỏ đi cũng do bên chị C nuôi dưỡng, còn về mâu thuẫn vợ chồng thì bà không rõ.

*Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là kiện ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm,

những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu, chấp nhận yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, ghi nhận phần tài sản anh chị đã thỏa thuận được, giao chị Châu sử dụng máy cày hiệu Kubota và máy phun thuốc sâu, giao anh H sử dụng máy Honđa 5.5 mã lực; về nợ chung, chị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông A, bà B buộc chị C , anh H trả cho ông bà 25.000.000đ và trả chi phí người làm chứng, phần còn lại chia đôi với anh H .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Kim C khởi kiện xin ly hôn với anh Danh Sầm H , về con thì xin được nuôi và xin chia đôi tài sản chung, nợ chung được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015). Bà Hồ Thị B , ông Danh A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chị C , anh H trả lại số nợ vay của ông bà khi ly hôn và được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 BLTTDS.

Ông Danh A với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2014, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh kiên Giang theo giấy đăng ký kêt hôn số 09/2014, ngày 24/01/2014. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm anh chị xin ly hôn, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu luật pháp luật, nên căn cứ vào Điều 131 của luật này việc giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung của anh chị sẽ được căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Kim C với lý do chồng chị không trung thực trong việc làm ăn, tiền bạc với chị làm cho chị mất lòng tin. Khi xảy ra cãi vả, chồng bỏ về nhà cha mẹ không tới lui thăm hỏi gì nữa, gia đình hai bên đã gặp nhau để hàn gắn cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Còn anh H thì cho rằng, giữa vợ chồng anh không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn nhưng anh cũng thừa nhận từ việc làm ăn sổ sách chưa ghi rõ ràng dẫn đến cãi vả nhau thì anh bỏ đi đến nay, không có tới lui chăm sóc gì, hai bên gia đình gặp nhau càng phát sinh cãi vả thêm, không giải quyết được mâu thuẫn. HĐXX thấy rằng, do khi cưới nhau anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài. Tại phiên tòa, chị C đã tỏ rõ thái độ cương quyết không trở về chung sống với chồng được nữa, anh H

thì mặc dù không muốn ly hôn nhưng khi được tạo cơ hội gặp gỡ, hàn gắn với vợ anh không thực hiện mà còn làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng hơn, đời sống hôn nhân của anh chị đã không thể kéo dài được nữa nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh H có 01 con chung tên Danh Huỳnh L , sinh ngày 24/12/2015. Tại phiên tòa, cả chị C và anh H đều có nguyện vọng xin nuôi con, tuy nhiên, xét con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải giao cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Danh Sầm H không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ mà chị Châu yêu cầu cũng là phù hợp. Về thời gian cấp dưỡng, do lúc vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 đến nay anh Hưng không hỗ trợ gì cho chị C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên buộc anh H thực hiện việc cấp dưỡng kể từ thời điểm ly thân là tháng 10/2017 theo yêu cầu của chị C là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị C , anh H đã thống nhất tài sản chung của anh chị gồm có 01 máy cày hiệu Kubota trị giá 150.000.000đ, 01 máy phun thuốc trừ sâu và 01 máy Honđa 5.5 mã lực trị giá tương đương nhau là 2.000.000đ. Anh chị tự thỏa thuận, tự thực hiện phân chia với nhau được một phần như sau: Chị Ch sử dụng máy cày và máy phun thuốc, anh H sử dụng máy honđa, chị C có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt là 91.596.000đ (đã trả xong trước khi xét xử vụ án), còn lại 58.404.000đ anh H tiếp tục yêu cầu chia đôi. Tại phiên tòa, chị C cũng đồng ý chia đôi số tiền này với anh H nhưng yêu cầu sau khi trả nợ cho cha mẹ chị còn lại bao nhiêu mới chia đôi với anh H . Xét thấy, đối với phần tài sản chung và nợ chung mà anh chị đã thỏa thuận được với nhau là phù hợp khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX ghi nhận.

[6] Còn lại, phần tài sản và nợ có tranh chấp là số tiền 58.404.000đ chị C đang quản lý và số nợ 25.000.000đ của cha mẹ ruột chị C . Quá trình giải quyết vụ án, chị C và ông A , bà B cùng trình bày: Số tiền vay 25.000.000đ (không yêu cầu tính lãi) do vợ chồng anh chị nhờ ông A đi vay Ngân hàng về cho anh chị vay lại để đầu tư mua và sửa chữa máy cày, do anh Hưng không thừa nhận số nợ này nên chị C , ông A , bà B là người có nghĩa vụ chứng minh số nợ này. Các đương sự khai, khi đưa tiền có anh Trần H trực tiếp thấy, việc này anh H xác định là có chứng kiến, do anh cũng là người hỏi vay ông A từ nguồn tiền ông A vay Ngân hàng thời điểm đó. Tại phiên tòa anh H , chị Ch đềutrình bày rằng, việc mua và sử máy cày đều do chị C gom tiền đưa cho anh Hưng đi mua, đi sửa máy, anh H nói tiền này của vợ chồng dành dụm được nhưng thực tế là có mượn vàng của mẹ vợ (đã trả xong, anh Hưng thừa nhận) và có vay của cha mẹ vợ 25.000.000đ chưa trả (có anh Hùng chứng kiến). Vì vậy, có đủ cơ sở chứng minh số nợ 25.000.000đ này là nợ chung của anh H và chị C .

[7] Xét yêu cầu của chị C cũng như bà B , ông A về việc xác định nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay. Theo quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, trường hợp này sẽ áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463, 466 BLDS 2015 để giải quyết. Giao dịch do anh H và chị C cùng giao kết với ông A , bà B , số tiền vay được sử dụng chung . Như vậy, chị C và anh H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông A , bà B . Việc chị C đồng ý trả nợ từ số tiền là tài sản chung của vợ chồng do chị đang giữ theo yêu cầu của ông A , bà B là phù hợp. Ngoài ra, tại phiên tòa, chị C có yêu cầu vợ chồng cùng chịu chi phí cho người làm chứng là anh Trần H với 02 lần về tham dự tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án bằng 600.000đ (đi về 02 lần là 04 lượt giữa Đồng Nai - Gò Quao). Đối với khoản tiền này, anh Hưng không có ý kiến là bao nhiêu vì anh cho rằng anh không có yêu cầu triệu tập người làm chứng nên anh không có nghĩa vụ phải chịu số tiền này. Giải quyết chi phí người làm chứng theo Điều 167 BLTTDS 2015, do lời khai của người làm chứng phù hợp với yêu cầu chị C và được chấp nhận nên anh H phải có nghĩa vụ chịu chi phí này. Tuy nhiên, do chị C đề nghị cả hai vợ chồng cùng chịu và chị đã thỏa thuận trả xong cho anh Hùng tại phiên tòa từ khoản tiền chị đang giữ cho nên HĐXX ghi nhận việc thanh toán chi phí này cho chị C . Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả chi phí người làm chứng, số tiền còn lại của anh chị là: 58.404.000đ – 600.000đ = 57.804.000đ; chị C có nghĩa vụ trả tiếp số nợ ông A , bà B bằng 57.804.000đ – 25.000.000đ = 32.804.000đ. Phần còn lại, căn cứ vào khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chia đôi cho anh chị mỗi người sử dụng một nữa bằng 16.402.000đ. Do chị C đang giữ tiền nên có nghĩa vụ giao lại cho anh H phần anh được hưởng như trên.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đã thu nợ đối với hợp đồng vay tài sản xong nên không khởi kiện và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét; ngoài ra phần vàng cố đất mà chị C trình bày do anh chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX cũng không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị C phải nộp do có yêu cầu, án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000đ anh H phải nộp. Án phí dân sự có giá ngạch: chị C và anh H mỗi người phải nộp bằng 1.560.000đ {[(58.404.000đ + 4.000.000đ) x 5%] : 2}

Bà Hồ Thị B , ông Danh A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 167 BLTTDS năm 2015; Điều 37, 56, 58, 59, 60, 81, 82 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463 và 466 BLDS 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1/ Tuyên xử:** Chị Thị Kim C được ly hôn với anh Danh Sầm H .

**2/ Về con chung:** Giao con chung tên Danh Huỳnh L , sinh ngày 24/12/2015 cho chị Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Danh Sầm H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Danh Huỳnh L mỗi tháng

700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi Danh Huỳnh L trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính kể từ tháng 10 năm 2017.

Anh H được quyền tới lui thăm nom con, không ai được cản trở.

**3/ Về tài sản chung và nợ chung:**

- Giao cho chị Thị Kim C tiếp tục được sở hữu, sử dụng 01 máy cày hiệu Kubota, 01 máy phun thuốc trừ sâu;

- Giao cho anh Danh Sầm H tiếp tục được sở hữu, sử dụng 01 máy Honđa 5.5 mã lực.

- Buộc chị Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Danh A , bà Hồ Thị B 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và có nghĩa vụ giao lại cho anh Danh Sầm H ½ giá trị tài sản còn lại anh được hưởng bằng 16.402.000đ (mười sáu triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà B , ông A và anh H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng chị C còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**4/ Về án phí:** Chị Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự có giá ngạch bằng 1.560.000đ (một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo 02 biên lai thu số 0000140, ngày 07/11/2017 và số 0000233, ngày 02/02/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang là 2.175.000đ (hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, số tiền án phí chị Châu còn được nhận lại là 315.000đ (ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Buộc anh Danh Sầm H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch bằng 1.560.000đ (một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Danh A , bà Hồ Thị B được nhận lại 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000190, ngày 25/12/2017 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**5/** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2018). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*- Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án;*

**Nguyễn Diệu Hiền**